

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH LỢI
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/DS-ST

Ngày: 11-02-2022

V/v Tranh chấp xác định

quyền sở hữu, quyền sử dụng

tài sản, phân chia tài sản chung

để thi hành án.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Sáu

2. Bà Ngô Như Ý

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Nhiều, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 166/2020/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp yêu cầu phân chia tài sản chung của hộ để thi hành án”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2021/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Hộ kinh doanh Thành L. Địa chỉ: Khóm S, phường V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Duy M, sinh năm 1985. Người đại diện theo ủy quyền: Chị Nguyễn Minh T, sinh năm 1995. Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (theo văn bản ủy quyền ngày 13/10/2020).

2. *Đồng bị đơn:* Ông Trần Văn B, sinh năm 1965 và bà Trần Thị Cẩm L, sinh năm 1961. Cùng địa chỉ: Ấp V, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Chị Thái Thị Siêu K, sinh năm 1990; địa chỉ: Khóm T, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng; Người đại diện theo ủy quyền: Chị Nguyễn Minh T, sinh năm 1995; địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (theo văn bản ủy quyền ngày 25/11/2020).

3.2. Chị Trần Kim P (Trần T), sinh năm 1984;

3.3. Chị Trần Thị Diễm M, sinh năm 1992;

3.4. Anh Trần Nhật T1 (Trần Nhật T1), sinh năm 1997;

3.5 Chị Trần Thị Tiểu M1, sinh năm 1999;

3.6. Chị Trần Thị Mỹ X, sinh năm 1988.

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

3.7. Ông Trần Văn U, sinh năm 1975. Địa chỉ: Ấp H, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị Nguyễn Minh T và ông Trần Văn B có mặt; bà Trần Thị Cẩm L, chị Trần Kim P, chị Trần Thị Diễm M, anh Trần Nhật T1, chị Trần Thị Tiểu M1, chị Trần Thị Mỹ X vắng mặt; ông Trần Văn U vắng mặt và có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 27 tháng 7 năm 2020 và Đơn khởi kiện bổ sung ngày 28 tháng 8 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Hộ kinh doanh Thành L và là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Thái Thị Siêu K trình bày:

Tại Bản án phúc thẩm số 11/2020/DS-PT ngày 18/02/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu quyết định buộc ông Trần Văn B và bà Trần Thị Cẩm L có nghĩa vụ thanh toán cho Hộ kinh doanh Thành L số tiền mua bán còn nợ 2.011.021.242 đồng. Hộ kinh doanh Thành L đã yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi thi hành án số tiền trên nhưng phía ông B, bà L vẫn không thanh toán tiền cho Hộ kinh doanh Thành L. Sau đó, Hộ kinh doanh Thành L nhận được Văn bản số 274/TB-CCTHADS ngày 07/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V về việc yêu cầu Hộ kinh doanh Thành L yêu cầu Tòa án giải quyết xác định quyền sở hữu trong khối tài sản chung theo thủ tục tố tụng dân sự. Cho nên, Hộ kinh doanh Thành L yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung của ông Trần Văn B và bà Trần Thị Cẩm L trong khối tài sản chung là Quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 09/3/2001, tổng diện tích 18.671,0m² tại thửa số 1317 tờ bản đồ số 07 (5.712m² đất trồng lúa); tại thửa số 126, tờ bản đồ số 08 (1.300m² đất trồng lúa); tại thửa số 130, tờ bản đồ số 08 (5.560m² đất trồng lúa); tại thửa số 181-1, tờ bản đồ số 08 (300m² đất ở); tại thửa số 181-2, tờ bản đồ số 08 (1.968m² đất vườn tạp); tại thửa số 511, tờ bản đồ số 08 (3.831m² đất trồng lúa), do hộ ông Trần Văn B đứng tên, tọa lạc tại ấp V, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu để thi hành án theo quy định pháp luật.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trần Văn B trình bày:*

Ông và bà L chung sống như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn vào năm 1980. Ông và bà L có 06 người con chung gồm Trần Thị P (Trần Kim P), Trần Văn N (chết năm 2020, không có vợ con), Trần Thị Diễm M, Trần Nhật T, Trần Thị Tiểu M1 và Trần Thị Mỹ X. Ông không đồng ý với yêu cầu khởi

kiện của Hộ kinh doanh Thành L do ông đã chuyển quyền hết đời với quyền sử dụng đất mà Hộ kinh doanh Thành L yêu cầu phân chia. Cụ thể: Đối với các phần đất tại các thửa tại thửa số 126, tờ bản đồ số 08 (diện tích 1.300m² đất trồng lúa); tại thửa số 130, tờ bản đồ số 08 (diện tích 5.560m² đất trồng lúa); tại thửa số 511, tờ bản đồ số 08 (diện tích 3.831m² đất trồng lúa) và ½ diện tích 5.712m² tại thửa số 1317 tờ bản đồ số 07 (đất trồng lúa) thì ông bán cho ông T2 (tôi không nhớ rõ họ tên gì), có địa chỉ: Ấp Giá Tiêu, xã Hưng Hội, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu. Còn các thửa số 181-1, tờ bản đồ số 08 (diện tích 300m² đất ở); thửa số 181-2, tờ bản đồ số 08 (diện tích 1.968m² đất vườn tạp) và ½ diện tích 5.712m² tại thửa số 1317 tờ bản đồ số 07 (đất trồng lúa) thì ông cho con ông tên Trần Thị Phiến (Trần Kim P); địa chỉ tại ấp V, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; trong phần đất nhà ở 300m² thì ông có cho con là Trần Nhật Thanh phần đất gắn liền với căn nhà. Khi ông chuyển quyền sử dụng đất thì có làm hợp đồng bằng giấy tay không có công chứng, chứng thực. Sau khi chuyển quyền sử dụng đất thì ông T2 có canh tác được một thời gian nhưng không lợi nhuận và hiện nay đã cho người khác thuê nhưng tôi không biết là ai. Năm 2003, ông thế chấp quyền sử dụng đất trên cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam. Tuy nhiên, hiện nay ông đã không còn thế chấp Ngân hàng nữa và cũng chưa chuyển quyền sử dụng cho ông T2 do Hộ kinh doanh Thành L đang khởi kiện.

** Bị đơn bà Trần Thị Cẩm L:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa nhưng bà L không cung cấp tài liệu, chứng cứ cũng như không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Kim P, chị Trần Thị Diễm M, anh Trần Nhật T1, chị Trần Thị Tiểu M1 và chị Trần Thị Mỹ X:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị Phiến, chị Diễm M, anh T1, chị Tiểu M1, chị X không cung cấp tài liệu, chứng cứ cũng như không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn U trình bày:* Ông U là em ruột của ông Trần Văn B. Lúc nhỏ, ông sống cùng nhà với ông B để được đi học dễ dàng. Các phần đất mà Hộ kinh doanh Thành L yêu cầu phân chia là của ông B và bà L, không liên quan gì đến ông. Nguồn gốc các phần đất mà Hộ kinh doanh yêu cầu phân chia là của ông B và bà L nhận chuyển nhượng từ người khác.

** Tại phiên tòa,*

- Chị Nguyễn Minh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của Hộ kinh doanh Thành L.

- Ông Trần Văn B không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông B xác định ông không có thể chấp cho Hộ kinh doanh Thành L đối với các phần đất nêu trên đồng thời quyền sử dụng đất mà Hộ kinh doanh Thành L yêu cầu phân chia đã được ông chuyển quyền cho người khác. Ông B xác định nguồn gốc đất mà Hộ kinh doanh Thành L yêu cầu phân chia là do ông và bà L nhận chuyển nhượng từ người khác và được cha mẹ cho.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân theo pháp luật: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Nguyễn Minh T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Thái Thị Siêu K thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các điều 70, 71, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự; ông B, bà L, chị Phiến, chị Diễm M, chị Tiểu M1, chị X, anh T1 và ông U chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Hộ kinh doanh Thành L. Xác định tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 18.671m² do Ủy ban nhân dân huyện V cấp cho hộ ông Trần Văn B là của ông Trần Văn B, bà Trần Thị Cẩm L và chị Trần Kim P. Về án phí và chi phí tố tụng: Ông B và bà L phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chi cục Thi hành án dân sự huyện V đã thông báo đến hộ của ông Trần Văn B về việc tự thỏa thuận phân chia tài sản chung hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết theo thủ tục dân sự xác định quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung theo quy định nhưng hộ ông Trần Văn B không thực hiện. Hộ kinh doanh Thành L là người được thi hành án yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung của hộ ông B để thi hành án nên đây thuộc trường hợp có tranh chấp và quan hệ tranh chấp là “xác định quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án” quy định tại khoản 14 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 74 Luật Thi hành án dân sự. Ông B và bà L cư trú tại xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà Trần Thị Cẩm L, chị Trần Kim P, chị Trần Thị Diễm M, anh Trần Nhật T, chị Trần Thị Tiểu M1 và chị Trần Thị Mỹ X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa; ông Trần Văn U vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà L, chị Phiến, chị Diễm M, anh T1, chị Tiểu M1, chị X và ông U. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có đưa anh Trần Văn N tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, anh N đã chết trước khi Tòa án thụ lý vụ án nên Hội đồng xét xử không đưa anh N tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Hộ kinh doanh Thành L yêu cầu phân chia tài sản chung là quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện V cấp cho hộ ông Trần Văn B ngày 09/3/2001, diện tích 18.671,0m².

[3.1] Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp nhưng phía ông B, bà L không hợp tác và nguyên đơn không xác định được vị trí đất yêu cầu phân chia nên Hội đồng xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản không tiến hành được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.2] Tại Công văn số 274 ngày 07/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V (bút lục 79) xác định, qua xác minh điều kiện thi hành án ông Trần Văn B và bà Trần Thị Cẩm L có tài sản quyền sử dụng đất: Quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 09/3/2001, tổng diện tích 18.671,0m² tại thửa số 1317 tờ bản đồ số 07 (5.712m² đất trồng lúa); tại thửa số 126, tờ bản đồ số 08 (1.300m² đất trồng lúa); tại thửa số 130, tờ bản đồ số 08 (5.560m² đất trồng lúa); tại thửa số 181-1, tờ bản đồ số 08 (300m² đất ở); tại thửa số 181-2, tờ bản đồ số 08 (1.968m² đất vườn tạp); tại thửa số 511, tờ bản đồ số 08 (3.831m² đất trồng lúa), do hộ ông Trần Văn B đứng tên, tọa lạc tại ấp V, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Ông B xác định, quyền sử dụng đất mà Hộ kinh doanh Thành L yêu cầu phân chia là của hộ gia đình ông do Ủy ban nhân dân huyện V cấp. Cho nên, có căn cứ xác định quyền sử dụng đất mà Hộ kinh doanh Thành L yêu cầu phân chia là của hộ ông Trần Văn B.

[3.3] Theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 18.671,0m² cho hộ ông Trần Văn B theo Quyết định số 82/QĐ-UB ngày 27/02/1999 của Ủy ban nhân dân huyện V và Công văn số 3371 ngày 23/9/2021 của Ủy ban nhân dân huyện V thì vào thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông B không có danh sách hộ kèm theo nên không biết thành viên hộ. Tại Biên bản xác minh ngày 06/12/2021 (bút lục 222) thể hiện hộ khẩu của ông Trần Văn B gồm ông Trần Văn B, bà Trần Thị Cẩm L, ông Trần Văn U (em ông B), chị Trần Kim P, anh Trần Văn N, chị Trần Thị Tiểu M1, chị Trần

Thị Diễm M, anh Trần Nhựt T1 và chị Trần Thị Mỹ X. Mặc dù Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị Phiến, chị Tiểu M1, chị Diễm M, anh T1 và chị X theo quy định pháp luật nhưng không gửi cho Tòa án bất kỳ chứng cứ hoặc thể hiện ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của Hộ kinh doanh Thành L, còn bà L không muốn làm việc với Tòa án do không đồng ý Tòa án buộc trả tiền cho Hộ kinh doanh Thành L (bút lục 213); đồng thời ông B và bà L không đồng ý tham gia việc tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản tranh chấp. Cho nên hậu quả pháp lý bất lợi phải tự gánh chịu. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 18/01/2022, ông Trần Văn U cho rằng các phần đất mà Hộ kinh doanh Thành L yêu cầu phân chia là của ông B, bà L, không liên quan gì đến ông. Tại phiên tòa, ông B cho rằng nguồn gốc đất là do ông và bà L nhận chuyển nhượng và được tặng cho nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh. Theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ ông B không có đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận nên Ủy ban nhân dân huyện V không có cơ sở xác định nguồn gốc đất. Còn ông U xác định nguồn gốc đất hình thành từ việc ông B và bà L nhận chuyển nhượng từ người khác. Xét thấy, tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trần Văn B vào ngày 09/3/2001 thì các thành viên hộ gia đình gồm ông B, bà L (vợ ông B), chị Phiến, anh N (đã chết năm 2020), chị X, chị Diễm M, anh T1, chị Tiểu M1 và ông U. Vào thời điểm năm 2001, chị P được 17 tuổi nên có đóng góp nhưng không đáng kể trong việc hình thành, tạo lập quyền sử dụng đất nêu trên; còn anh N, chị X, chị Diễm M, anh T1, chị Tiểu M1 đều chưa đủ 14 tuổi nên không có đóng góp gì trong việc hình thành, tạo lập quyền sử dụng đất và ông U không có đóng góp gì đối với việc hình thành tài sản trên.

[3.4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành O611006, số vào sổ 01258, diện tích 18.671,0m² tại các thửa số 1317 tờ bản đồ số 07 (5.712m² đất trồng lúa); tại thửa số 126, tờ bản đồ số 08 (1.300m² đất trồng lúa); tại thửa số 130, tờ bản đồ số 08 (5.560m² đất trồng lúa); tại thửa số 181-1, tờ bản đồ số 08 (300m² đất ở); tại thửa số 181-2, tờ bản đồ số 08 (1.968m² đất vườn tạp); tại thửa số 511, tờ bản đồ số 08 (3.831m² đất trồng lúa) do Ủy ban nhân dân huyện V cấp hộ ông Trần Văn B đứng tên, tọa lạc tại ấp V, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu là tài sản của ông Trần Văn B, bà Trần Thị Cẩm L, chị Trần Kim P. Trong đó, ông B, bà L có phần quyền sử dụng đất là 3/4 (75%) tổng số tài sản chung này.

[4] Ông B cho rằng, quyền sử dụng đất mà Hộ kinh doanh Thành L yêu cầu phân chia thì ông đã chuyển quyền cho ông T2, địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu và con ông. Tuy nhiên, ông B không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh việc chuyển quyền trên. Tại Biên bản ngày 12/10/2021 (bút lục 178) thì chính quyền địa phương không xác định được người tên T2 nên Tòa án không làm việc được. Cho nên, các bên có quyền yêu cầu khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền bằng vụ án dân sự khác nếu có tranh chấp.

[5] Chi phí tố tụng là 2.660.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của Hộ kinh doanh Thành L được chấp nhận nên ông B và bà L phải chịu theo quy định tại khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hộ kinh doanh Thành L đã nộp xong và chi hết. Ông B và bà L có trách nhiệm hoàn trả cho Hộ kinh doanh Thành L số tiền 2.660.000 đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của Hộ kinh doanh Thành L được chấp nhận nên ông B và bà L phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hộ kinh doanh Thành L không phải chịu án phí. Hộ kinh doanh Thành L đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng nên được hoàn lại.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; khoản 1 Điều 165; khoản 1 Điều 166; Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 21, 212 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 24 và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Hộ kinh doanh Thành L về yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án đối với ông Trần Văn B và bà Trần Thị Cẩm L.

2. Xác định phần quyền dụng đất của ông Trần Văn B và bà Trần Thị Cẩm L như sau: Ông Trần Văn B và bà Trần Thị Cẩm L có phần quyền sử dụng đất là 3/4 (75%) trong diện tích 18.671,0m² tại thửa số 1317 tờ bản đồ số 07 (5.712m² đất trồng lúa); tại thửa số 126, tờ bản đồ số 08 (1.300m² đất trồng lúa); tại thửa số 130, tờ bản đồ số 08 (5.560m² đất trồng lúa); tại thửa số 181-1, tờ bản đồ số 08 (300m² đất ở); tại thửa số 181-2, tờ bản đồ số 08 (1.968m² đất vườn tạp); tại thửa số 511, tờ bản đồ số 08 (3.831m² đất trồng lúa) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành O 611006, số vào sổ 01258, do Ủy ban

nhân dân huyện V cấp hộ ông Trần Văn B đứng tên, tọa lạc tại ấp V, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Trần Văn B và bà Trần Thị Cẩm L có trách nhiệm hoàn trả cho Hộ kinh doanh Thành L số tiền 2.660.000 đồng (sáu triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn B và bà Trần Thị Cẩm L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Hộ kinh doanh Thành L không phải nộp. Hộ kinh doanh Thành L đã nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0008289 ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V nên được hoàn lại.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Vĩnh Lợi;
- Chi cục THADS huyện V;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Nguyễn Duy Khanh